TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH GIA LAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 26/2020/HS-ST
Ngày 30/7/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Lại Hùng Hưng;
Các Hội thẩm nhân dân: ông Lê Đình Hưng và ông Võ Minh Khôi.

Thư ký phiên toà: bà Phạm Thị Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: ông Bùi Ngọc Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 7 năm 2020 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2020/HSST ngày 23 tháng 4 năm 2020, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2020/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 6 năm 2020, đối với bị cáo:

RLan N(tên gọi khác: Rah Lan N) sinh năm 1991 tại huyện Đ, tỉnh Gia Lai; địa chỉ: làng Tung, xã Ia Nan, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: Jrai; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Siu T và bà Rlan T; bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Bản án số 61/2013/HSST ngày 30/9/2013 của Tòa án nhân dân huyện Chư P, tỉnh Gia Lai xử phạt bị cáo 04 (bốn) năm tù về tội "Cố ý gây thương tích", bị cáo đã được xóa án tích; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú nhưng không chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/6/2020 cho đến nay (có mặt tại phiên tòa).

- *Người bào chữa*: bà Nguyễn Hoàng Kim Loan, trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Gia Lai (có mặt).

- *Đại diện hợp pháp của bị hại*: bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1986, địa chỉ: làng Ó, xã Ia D, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (có mặt);

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Phạm Văn N, sinh năm 1978, địa chỉ: thôn Ia K, xã Ia N, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (có đơn vắng mặt);

- *Người làm chứng:* Anh Rlan T, sinh năm 1994, đại chỉ: làng T, xã Ia N, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (vắng mặt);

Người phiên dịch: bà Ksor H'T, địa chỉ: làng Sung K, xã Ia K, huyện Đ, Gia Lai (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 27/7/2019, sau khi nhậu xong, RLan Nđiều khiển xe mô tô không biển kiểm soát (BKS), có dung tích xi lanh là 112cm^3 nhưng không có giấy phép lái xe chở em trai là Rlan T (sinh năm 1994, trú tại Làng Tung, xã Ia Nan) đi đến thôn Mook T, xã Ia D, huyện Đ, tỉnh Gia Lai để thăm em gái. Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, RLan Nđiều khiển xe mô tô trên di chuyển theo hướng từ làng N, xã Ia N, huyện Đ, tỉnh Gia Lai đi ra đường Quốc lộ 19. Khi đi đến đoạn đường liên thôn thuộc thôn Ia C, xã Ia N thì do quá say rượu, N đã không còn làm chủ được tay lái và tốc độ, không phát hiện được phía trước có phương tiện đi ngược chiều, N đã điều khiển xe lấn sang phần đường dành cho xe đi ngược chiều dẫn đến tông vào xe mô tô BKS: 81U1-118.59 do bà Trần Thị T(sinh năm 1961, trú tại thôn Mook T, xã Ia D, huyện Đ, tỉnh Gia Lai) điều khiển lưu thông theo chiều ngược lại. Hậu quả, bà Trần Thị Tbị thương nặng phải đi cấp cứu tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Gia Lai đến ngày 31/7/2019 thì chết.

Căn cứ vào biên bản kiểm tra nồng độ cồn vào lúc 16 giờ 54 ngày 27/7/2019 của Đội Cảnh sát giao thông Công an huyện Đ thì nồng độ cồn của N là 1.367mg/l khí thở.

Kết quả khám nghiệm hiện trường xác định:

Đoạn xảy ra vụ tại nạn giao thông là đường liên xã thuộc thôn Ia C, xã Ia N, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Mặt đường trải nhựa rộng 3,7m, hai bên có lề đường, mỗi bên rộng 1,2m. Hai bên có rãnh thoát nước, rãnh thoát nước bên trái rộng 1,2m, sâu 0,5m; rãnh thoát nước bên phải rộng 0,4m, sâu 0,2m. Đoạn đường xảy ra tai nạn là đoạn đường thẳng không giao nhau với ngã 3, ngã 4, không có chướng ngại vật, không bị che khuất tầm nhìn. Đoạn đường có các biển báo nguy hiểm, cụ thể: Tại vị trí trên hành lang đất phải theo chiều hướng hiện trường có biển báo nguy hiểm (1) khoảng cách từ biển báo nguy hiểm (1) đo vuông góc đến trụ điện 10/3H là (9,0 + 15)m. Tại vị trí trên hành lang đất trái có biển báo nguy hiểm (2), khoảng cách từ biển báo nguy hiểm (2) đến trụ điện 10/3H là 20m.

Lấy hướng từ xã Ia N đi Quốc lộ 19 làm chiều hướng hiện trường. Lấy trụ điện số 10/3H nằm trên hành lang đất trái theo chiều hướng hiện trường làm điểm mốc hiện trường. Lấy mép đường trái theo chiều hướng hiện trường làm chuẩn để xác định các dấu vết, phương tiện.

Tại Kết luận giám định pháp y tử thi số 513/GĐPY ngày 14/8/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh gia Lai đối với Trần Thị T, kết luận:

1. Kết quả giám định chính:

- Mô cơ dưới da vùng thái dương bên trái bầm tụ máu.
- Xương sọ vùng thái dương bên trái có vết nứt xương sọ dài 03cm, hướng lan lên trên, có máu chảy qua vết nứt xương sọ.
- Hai lỗ tai và hai lỗ mũi có dịch màu đỏ.
- Sờ nắn cung tiếp trái và xương gò má trái, xương hàm trái ghi nhận có tiếng lạo xạo xương.

2. Kết luận nguyên nhân chết: Chấn thương sọ não.

Tại Kết luận định giá tài sản số 57 ngày 27/12/2019, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ, kết luận:

- 01 (một) chiếc xe mô tô không có biển số đăng ký, số khung VMEPCG0021074820, số máy VLKZS150FMG2.000035354 trị giá thiệt hại là 1.000.000 đồng.

- 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM, số loại GALAXY, biển kiểm soát 81U1-118.59, số khung 11HDED008369, số máy MVBACD008369, màu sơn đen đỏ, giá trị thiệt hại là 500.000đ.

Tại Bản Cáo trạng số: 12/CT- VKS ngày 13/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo RLan Nvề tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo điểm a, b khoản 2 Điều 260 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo RLan Nkhai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng.

Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của bị hại là chị Nguyễn Thị D trình bày: ngày 27/7/2019, mẹ của chị là bà Trần Thị Tđiều khiển xe mô tô BKS: 81U1-118.59 bị tai nạn va cham xe do RLan Nđiều khiển. Hậu quả tai nạn làm bà Thảo chết vào ngày 31/7/2019. Bà yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại về tính mạng cho bị hại là 80.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến nay bị cáo vẫn chưa bồi thường khoản tiền nào.

Chị đã được trả lại xe mô tô BKS: 81U1-118.59, chị không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại đối với chiếc xe.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ nguyên Cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo RLan N phạm tội " Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ".

Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 260, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo RLan Ntừ 3 năm đến 3 năm 6 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: buộc bị cáo bồi thường thiệt hại về tính mạng cho bị hại 80.000.000 đồng.

Về tang vật vụ án: Chiếc xe mô tô mang BKS: 81U1 – 11859 là của chị Nguyễn Thị D. Cơ quan Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chị D.

-Đối với 01 (một) xe mô tô không có BKS, số khung: VMEPCG0021074820, số máy: VLKZS150FMG2☆000035354☆. Đây là xe mô tô do RLan Nmượn của anh Phan Văn N. Qua điều tra chưa xác định được nguồn gốc chiếc xe này. Cơ quan điều tra Công an huyện Đ tách ra để tiếp tục điều tra xác minh khi nào xác minh được sẽ xử lý sau.

Việc xử lý vật chứng của cơ quan điều tra Công an huyện Đ là đúng quy định của pháp luật nên đề nghị chấp nhận.

Tại phiên tòa, người bào chữa công nhận hành vi của bị cáo RLan Nphạm tội " Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo điểm a, b khoản 2 Điều 260 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo thành khẩn khai báo là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; bị cáo là người dân tộc thiểu số sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, không biết chữ, nhận thức hạn chế là tình tiết

giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án thấp nhất của khung hình phạt.

Trong quá trình điều tra, anh Phạm Văn N đã khai: anh là chủ sở hữu chiếc xe máy không BKS, số khung VMEPCG0021074820, số máy VLKZS150FMG2.000035354. Chiếc xe này bị cáo N mượn của anh sau đó bị cáo đã điều khiển gây tai nạn cho bà T ngày 27/7/2019. Anh không có ý kiến gì đối với việc thu giữ chiếc xe và không yêu cầu bi cáo bồi thường thiệt hại đối với chiếc xe.

Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tính hợp pháp của tài liệu chứng cứ: bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến gì đối với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có cơ sở để nhận định các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên thu thập, do những người tham gia tố tụng cung cấp đều hợp pháp.

[3] Bị cáo thừa nhận có hành vi phạm tội như Cáo trạng. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến tại nạn giao thông và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, do đó có căn cứ để nhận định:

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 27/7/2019, RLan N(là người không có giấy phép lái xe) điều khiển xe mô tô không có BKS, số khung: VMEPCG0021074820, số máy: VLKZS150FMG2☆000035354☆, có dung tích xy lanh 112cm^3 trong tình trạng sử dụng rượu mà hơi thở có nồng độ cồn là 1.367mg/l khí thở (vượt quá mức quy định) chở theo Rơ Lan T lưu thông theo hướng từ làng N, xã Ia N, huyện Đ, tỉnh Gia Lai đi ra đường Quốc lộ 19. Khi đi đến đoạn đường thuộc thôn Ia Chía, xã Ia N, do đã quá say nên N đã điều khiển xe lấn trái đường và tông vào xe mô tô BKS: 81U1-118.59 do bà Trần Thị Tđiều khiển theo hướng ngược lại. Hậu quả bà T chết tại Bệnh viện vào ngày 31/7/2019, hai xe bị hư hỏng với giá trị thiệt hại là 1.500.000 đồng.

Nguyên nhân dẫn đến vụ tai nạn giao thông hoàn toàn do lỗi của bị cáo Rlan N. Khi điều khiển xe mô tô có dung tích xi lanh 112cm^3 nhưng N không có giấy

phép lái xe theo quy định, khi tham gia giao thông khi đã sử dụng rượu bia mà trong hơi thở có nồng độ cồn vượt quá mức quy định (nồng độ cồn đo được ngay sau khi gây tai nạn là 1.367mg/l khí thở). Do đó khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông, N không làm chủ được tay lái, điều khiển xe lấn sang bên trái đường và tông vào xe mô tô đi ngược chiều do bà T điều khiển. Hậu quả bà T bị thương nặng và đến ngày 31/7/2019 thì chết, 02 xe mô tô bị hư hỏng với giá trị thiệt hại là 1.500.000 đồng. Hành vi của bị cáo N đã vi phạm khoản 8, 9 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 Luật giao thông đường bộ 2008, đã phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự. Như vậy Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự an toàn giao thông đường bộ, làm chết bà Trần Thị T, gây thiệt hại đối với xe mô tô của chị D và xe mô tô của anh N, gây lo lắng cho nhân dân khi tham gia giao thông đường bộ.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự;

Về tình tiết tăng nặng: bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về nhân thân: bị cáo có nhân thân không tốt (như đã nêu tại phần lý lịch bị cáo).

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo, điều kiện, hoàn cảnh của bị cáo, thấy rằng: bị cáo có 02 tình tiết tăng nặng định khung (không có giấy phép lái xe theo quy định và gây tai nạn trong tình trạng sử dụng rượu bia mà trong hơi thở có nồng độ vượt quá mức quy định), tai nạn do lỗi hoàn toàn là của bị cáo, hậu quả làm 01 người chết, 02 xe máy bị hư hỏng. Xét tính chất mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, sau khi gây tai nạn dẫn đến chết người, bị cáo không thăm hỏi, động viên gia đình bị hại, không bồi thường thiệt hại cho bị hại. Do đó, cần xử lý nghiêm khắc và cần thiết phạt tù, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới cải tạo giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm nói chung, tội phạm về giao thông đường bộ nói riêng.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Xét yêu cầu bồi thường thiệt hại của đại diện hợp pháp của bị hại là có căn cứ. Cần buộc bị cáo nghĩa nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về tính mạng cho bị hại tổng cộng là 80.000.000 đồng.

[7] Về xử lý vật chứng: việc xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ là có căn cứ nên chấp nhận.

[8] Về án phí: buộc bị cáo chịu án hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định để sung quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo **RLan N** phạm tội " Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ";

Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 260, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo **RLan N**4 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 23/6/2020.

2. Về áp dụng biện pháp ngăn chặn: Căn cứ khoản 1 Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tiếp tục tạm giam bị cáo RLan N45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để bảo đảm thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật hình sự; Các Điều 584, 585, 586, 590 của Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo RLan Nbồi thường thiệt hại về tính mạng cho bị hại Trần Thị T(thông qua chị Nguyễn Thị D) 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng).

4. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án:

Buộc bị cáo RLan Nchịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ nhà nước.

5. Các vấn đề khác:

Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo trình tự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Thời hạn kháng cáo của người có mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày tuyên án, của người vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ.

Kể từ ngày án có hiệu lực và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất chậm thi hành án được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKS; CA;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo; Người LQ
- BH; ĐDBH;
- Sở tư pháp;
- Lưu HSVA;
- Lưu THAHS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lại Hùng Hưng